

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ
Số: 11/2026/QĐST-DS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 02 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2026, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý 229/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V (V); địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T – chức danh: Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân 03; người được ủy quyền lại: Ông Lê Văn T1 – Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Đặng Nhật L – Chuyên viên xử lý nợ; ông Đinh Mạnh H – Chuyên viên xử lý nợ; bà Nguyễn Thị Ngọc T2 – Chuyên viên xử lý nợ; ông Lê Vũ H1 – Chuyên viên xử lý nợ địa chỉ: V - Tầng B số E đường T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1991 và bà Trịnh Thị Ý N, sinh năm: 1993; cùng có nơi cư trú: TDP H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tiền gốc và tiền lãi:

Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng số LN2310250672196 ký ngày 27/10/2023 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2406212998447 ký ngày 26/06/2024 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ và Hợp đồng cho vay số LD2418500775 ký ngày 03/07/2024 được ký kết giữa ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N với Ngân hàng TMCP V (V). Ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 23/01/2026 với số tiền là: 825.811.944 đồng; (Trong đó, nợ gốc: 753.291.452 đồng; lãi trong hạn: 7.925.116 đồng; lãi quá hạn: 64.595.376 đồng).

2.2. Thời hạn trả nợ số tiền gốc và tiền lãi:

Ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N cam kết trả hết toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 23/01/2026 cho Ngân hàng TMCP V với tổng số tiền là: 825.811.944 đồng; (Trong đó, nợ gốc: 753.291.452 đồng; lãi trong hạn: 7.925.116 đồng; lãi quá hạn: 64.595.376 đồng) theo các kỳ:

- Kỳ trả nợ đầu tiên chậm nhất đến ngày 23/02/2026 ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N cam kết trả số tiền: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn) cho Ngân hàng V;

- Kỳ trả nợ thứ hai (kì cuối cùng) chậm nhất đến ngày 23/3/2026 ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn lại và lãi, lãi phát sinh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án lập biên bản hòa giải thành là ngày 24/01/2026, ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay số LN2310250672196 ký ngày 27/10/2023 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2406212998447 ký ngày 26/06/2024 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ và Hợp đồng cho vay số LD2418500775 ký ngày 03/07/2024 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N cho đến khi thanh toán hết số tiền còn phải thi hành án nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N vi phạm một lộ trình trả nợ thì được coi như vi phạm toàn bộ thỏa thuận. Ngân hàng TMCP V (V) có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý tài sản đã đảm bảo của ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N đang thế chấp đảm bảo cho khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V (V), cụ thể là 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT, số loại 2008, biển kiểm soát: 73A – 240.27, có số khung: RN2USHNLVMM070330, số máy: 1825019PSA10XVDPHN08. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 73 011088 do Phòng CSGT – Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) cấp ngày 14/01/2022; 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại HILUX, biển kiểm soát: 73C – 163.32, có số khung: MR0BA3CD5K0017242, số máy: 1GD0622166. Theo Giấy

chứng nhận đăng ký xe ô tô số 73 022223 do Phòng CSGT – Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) cấp ngày 21/06/2024 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2310250672196/HĐTC ký ngày 27/10/2023; Hợp đồng thế chấp số LN2406212998447 ký ngày 25/06/2024 giữa ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N. Hợp đồng thế chấp đã được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tài sản bảo đảm trên không đủ để thanh toán các khoản nghĩa vụ của ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N thì Ngân hàng TMCP V (V) có quyền yêu cầu ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP V (V)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các đương sự thỏa thuận bị đơn ông Nguyễn Ngọc M và bà Trịnh Thị Ý N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 18.387.179 đồng (Mười tám triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng TMCP V (V) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 17.604.000 đồng (Mười bảy triệu, sáu trăm linh tư nghìn đồng chẵn) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số: 0002326 ngày 12/12/2025.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mỹ Lệ

